

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC
Số: 749/BVĐHYD-VTTB
V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 5 năm 2021

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM mời các Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp Vật tư y tế tiêu hao báo giá theo phụ lục danh mục đính kèm.

Đề nghị Quý nhà cung cấp gửi file word/excel và bản scan báo giá có đóng dấu (theo mẫu đính kèm) đến email moichaogia@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về phòng Vật tư thiết bị - lầu 4 – khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hợp đồng trúng thầu tại các Cơ sở y tế trong vòng 12 tháng/ hóa đơn GTGT tham khảo giá chào.

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa, giấy đăng ký lưu hành (nếu có), giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có).

- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 04/6/2021

- Điện thoại liên hệ: 028 3952 5243 (Nguyễn Thị Kim Loan – Phòng Vật tư thiết bị).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (B11-144-nvdung) (03).

10. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tấn
Phó Giám đốc



CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số 999../-BVĐHYD-VTTB ngày 28 / 5 /2021 của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Stt trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân nhóm theo thông tư 14	Giá kê khai (nếu có)

Hàng hóa đảm bảo mới 100%

Đơn giá chào đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí liên quan khác

Báo giá này có hiệu lực từ ngày / / đến ngày 31/12/2021

Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

[Handwritten signature]

PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Công văn mời chào giá số ...999.../BVĐHYD-VTTB ngày 28/ 5 /2021)

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	3	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật nội nhãn tổng hợp Hyaluronate Sodium, sodium chloride, disodium hydrogen phosphate dihydrate, sodium dihydrogen phosphate dihydrate.	Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, - Thành phần Hyaluronate Sodium 1,8%, trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, độ nhầy 2 triệu mPas, độ thẩm thấu 200-400 mosmol/kg và độ pH 6.8-7.6 - Thể tích 0.85ml - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/FDA	Hộp/ 1 ống	Ống	250
2	3	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 10x15cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: 10x15cm - Trọng lượng: 50-140 g/m ² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	30
3	3	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, 30x30cm	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: 30x30cm - Trọng lượng: 50-140 g/m ² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp/ 1 miếng	Miếng	20
4	3	Lưới nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Lưới nặng dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10-12cm, dọc $\geq 15\text{cm}$ - Trọng lượng 50- 140g/m ² - Kích thước lỗ 1-3mm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$, - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	40

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
5	3	Lưới nặng dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene	Lưới nặng dùng trong điều trị thoát vị vùng bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước ngang 10-15cm, dọc 13-15cm - Trọng lượng 50-140 g/m² - Khả năng chịu lực: $\geq 16\text{N/cm}$, - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt: lưới hoặc đan - Có đường kẻ định hình không gian - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	20
6	3	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mổ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10-12cm, dọc $\geq 15\text{cm}$ - Trọng lượng 35-50 g/m² - Kích thước lỗ 1-3mm - Khả năng chịu lực $\geq 16\text{N/cm}$, - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt chéo - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	60
7	3	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình eclip, 25 x 30 cm	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình eclip - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước : ngang 22-25cm, dọc 30-35 cm - Trọng lượng 35-50g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: $\geq 32\text{N/cm}$ theo chiều dọc, $\geq 22\text{N/cm}$ theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Kiểu dệt chéo - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	2
8	3	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản bằng nitinol, cỡ 3Fr, dài $\geq 90\text{cm}$, độ mở rọ chứa 30mm	Rọ lấy sỏi dùng để lấy sỏi niệu quản. - Chất liệu: Nitinol - Kích cỡ: 3Fr, dài $\geq 90\text{cm}$ - Thiết kế: độ mở dài của rọ chứa 30mm, đường kính 15mm, 4 dây hình xoắn ốc màu xanh, tay cầm màu trắng có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được. - Tiêu chuẩn CE	Hộp/ 1 cái	Cái	150
9	3	Ống thông hai đầu cong hình chữ J bằng polyurethan, cỡ 6-8Fr, dài 26cm	Ống thông hai đầu cong hình chữ J dùng để đặt nội niệu quản - Chất liệu bằng Polyurethan trơn láng, mềm - Kích cỡ: 6,7,8Fr, dài 26cm - Thiết kế đầu mở, cân quang, kèm dây đẩy - Thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu ≤ 6 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng người bệnh - Tiêu chuẩn CE	Gói/1 cái	Cái	1.300

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
10	3	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 5Fr	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da - Bằng titanium - Catheter cỡ 5Fr, đường kính ngoài 1.68mm, dài 70cm - Đi kèm: 1 kim chọc dò tĩnh mạch, 1 dây dẫn đường, 1 bơm tiêm 10ml, 1 kim đầu tù, 1 kim thẳng, 1 kim bóc tách, 02 kim dùng cho buồng tiêm truyền - Tiệt khuẩn - Tương thích chụp CT và cộng hưởng từ MRI, - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE	Hộp/1 bộ	Bộ	10
11	3	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng, đường kính bóng 8-> 20mm	Bóng nong thực quản, tá tràng, đại trực tràng 3 mức bơm 12mm, 15mm, 18mm, có dây dẫn - Đường kính bóng: 8 -> 20mm - Chiều dài bóng $\geq 5,5$ cm - Áp suất bóng: 2; 4; 6; 8 atm (30-120 psi) - Chiều dài catheter ≥ 240 cm - Đường kính catheter ≥ 8 Fr - Kênh làm việc ≥ 2.8 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	10
12	3	Kim sinh thiết, đường kính 12/14/16/18/20G và dài 10/16/20cm	Kim sinh thiết dùng 1 lần - Đường kính 12/14/16/18/20G và dài 10/16/20cm - Độ sâu cắt 11mm/ 22mm - Tương thích với kim dẫn đường cùng hãng - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương đương loại Monopty	Hộp/10 cái	Cái	20
13	3	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn, cỡ 3.0-> 5.0Fr	Ống nội khí quản công miệng không bóng chèn - Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Cỡ 3.0-> 5.0 Fr - Ống mềm dẻo, có 2 vạch cản quang đậm đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 vạch chạy dọc ống giúp đặt ống dễ dàng. Đầu ống kéo dài bo tròn tránh tổn thương niêm mạc, thân ống cong hình chữ U. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp 10 cái	Cái	50
14	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polyamid 6, đơn sợi, 5/0 dài 75cm, 1 kim tam giác, dài 16mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da, - Chỉ bằng Polyamid 6, 5/0 dài 75cm, thời gian chịu lực 15 - 20%/1 năm, độ bền kéo chỉ ≥ 9 N, giảm kéo rách, tổn thương mô khi xuyên qua, sợi chỉ linh hoạt mềm dẻo, giảm sự bó chặt. - 1 Kim tam giác bằng thép, dài 16mm, 3/8C, phủ silicon. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tép	Tép	1.644
15	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polyamid 6, đơn sợi, số 6/0 dài 45cm. 1 Kim tam giác, dài 12mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da, - Chỉ bằng Polyamid 6, 6/0 dài 45cm, thời gian chịu lực 15 - 20%/1 năm, độ bền kéo chỉ 9N, giảm kéo rách, tổn thương mô khi xuyên qua, sợi chỉ linh hoạt mềm dẻo, giảm sự bó chặt. - 1 Kim tam giác, bằng thép, dài 12mm, 3/8C, phủ silicon. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tép	Tép	80

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
16	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 6/0 dài 60cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 11mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 11mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	600
17	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 5/0 dài 75cm. 2 Kim tròn đầu cắt dài 13mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 75cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethaloy dài 13mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 12 tệp	Tệp	400
18	3	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp bằng Polyamid 6, đơn sợi, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác, dài 24mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu da, cơ - Chỉ bằng Polyamid 6, 2/0 dài 75cm, thời gian chịu lực 15 - 20%/1 năm, độ bền kéo chỉ 15N, giảm kéo rách, tổn thương mô khi xuyên qua, sợi chỉ linh hoạt mềm dẻo, giảm sự bó chặt. - Kim tam giác, bằng thép 300 (304), dài 24mm, 3/8C, phủ silicon. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tệp	Tệp	5.640
19	5	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Collagen, số 1/0, dài 75cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 40mm	Chỉ khâu tiêu chậm đơn sợi dùng khâu da, sản phụ khoa.. - Chỉ bằng sợi Collagen bền xoắn, tinh khiết, làm từ lớp thanh mạc ruột bò được đóng gói trong dung dịch alcohol và EO dạng lỏng, số 1/0, dài 75cm. Giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, thời gian tan hoàn toàn 90 ngày - 1 Kim tròn bằng thép cứng, không gỉ, không cong, không gãy, 1/2C dài 40mm, phủ silicone - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 30 tệp	Tệp	730
20	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglecaprone, đa sợi, 3/0 dài 45cm, 1 Kim tam giác, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đa sợi khâu da, mô dưới da, - Chỉ bằng polyglecaprone 3/0 dài 45cm, chịu lực 50%/ 7 ngày, tan hoàn toàn 90 - 120 ngày, - 1 Kim tam giác bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tệp	Tệp	168
21	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer Polyglycolide 9-1 đa sợi, 1, dài 90cm. 1 Kim tròn đầu tròn, 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi đóng thành bụn, khâu cơ, gân, dây chằng, - Chỉ bằng Lactomer Polyglycolide 9-1, 1, dài 90cm, tan chậm chịu lực 30%/ 21 ngày, 56 - 70 ngày, độ bền kéo chỉ 5.3 cho chỉ 2/0, phủ Glycolide, Caprolactone, Calcium Stearoyl lactylate, đạt sức căng ban đầu 140% tiêu chuẩn USP. - 1 Kim tròn đầu tròn bằng thép không gỉ, 40mm, 1/2C. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tệp	Tệp	1.880

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer Polyglycolide 9-1, đa sợi, 3/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi khâu mô dưới da, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng Lactomer Polyglycolide 9-1 3/0 dài 75cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ Glycolide, Caprolactone, Calcium Stearoyl lactylate, đạt sức căng ban đầu 140% - 1 Kim tròn đầu tròn, bằng thép không gỉ, dài 26mm, 1/2C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tép	Tép	252
23	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi khâu mô dưới da, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polyglactin 910 3/0 dài 70cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, chất kháng khuẩn Triclosan, - 1 Kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	740
24	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 910 4/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác, dài 16mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi dùng khâu trong sức mô, - Chỉ bằng polyglactin 910 4/0 dài 75cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate - 1 Kim tam giác bằng hợp kim Ethalloy dài 16mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 tép	Tép	240
25	3	Mạch máu nhân tạo loại thẳng, bằng Polytetrafluoroethylene, đường kính 6/7/ 8mm, dài 50cm, có vòng xoắn ngoài toàn phần	Mạch máu nhân tạo loại thẳng thay thế các mạch máu bị hư hại, các mạch máu bị tắc nghẽn hoặc bắc cầu nối động tĩnh mạch - Mạch máu bằng Polytetrafluoroethylene dạng bột (ePTFE), vòng xoắn ngoài toàn phần bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Kích thước: dài 50cm, đường kính 6/7/8mm, dày thành mạch 0,63mm - Sức chịu kéo chỉ khâu tối thiểu: 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu: 218 +/- 31 psi - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	5
26	6	Van dẫn lưu khí	Van dẫn lưu khí - Thành phần gồm 1 đoạn ống cao su đặt trong 1 ống plastic, tích hợp cố định 1 tiếp hợp catheter dẫn lưu đa bậc và 1 van lọc khí. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	Bộ	5

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
27	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, điều chỉnh lão thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, điều chỉnh lão thị - Chất liệu Acrylic không ngấm nước, lọc ánh sáng tím, sắc sai thấp với số ABBE =55, mặt sau thấu kính nhiều xạ 15 vòng, mặt trước phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero; - Kết hợp thiết kế kéo dài tiêu cự, thiết kế 3 điểm cố định; bờ sau vuông liên tục 360 độ, được xử lý mờ chống chói; càng chữ C; góc càng 0 độ; - Chỉ số khúc xạ < 1.5; dải công suất từ +5D đến +34D; được đặt qua vết mổ 2.2mm; dùng kèm Injector kiểu xoay - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	10
28	3	Keo sinh học, 2ml	Keo sinh học bột kín kể hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm, trong mô tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần: Là protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $\geq 450\text{mgHg}$ - Thể tích: 2ml - Thiết kế xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn - Tiệt khuẩn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	72
29	3	Keo sinh học, 5ml	Keo sinh học bột kín kể hở, dính bề mặt và gia cố các mô mềm trong phẫu thuật tại tim, mạch máu, phổi, sinh dục, màng cứng, tiêu hóa... - Thành phần Là protein hydrogel chứa BSA và 65% nước, được tạo thành từ huyết thanh Albumin bò (BSA) (45%) và glutaraldehyde (10%), chịu được áp lực $> 450\text{mgHg}$ - Thể tích: 5ml - Thiết kế xylanh hai nòng và vòi bơm dạng xoắn - Tiệt khuẩn, kèm 4 đầu bơm keo - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/ 1 bộ	Bộ	150
30	3	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản - Chất liệu: * Vòng thắt 1/2 latex protein antigens tự co, giữ hình sau khi bung vòng. * Đầu thắt bằng latex, thiết kế tăng tầm nhìn 360 độ, * Dây kẹp thép không gỉ perma, có kênh tưới rửa - Đường kính đầu ống: 8,6 - 11,6 mm - Đường kính trong đầu thắt 9,6 Fr - Đóng gói chống tia UV - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	bộ	350
31	3	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu cong	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu: thép không gỉ - Đầu tù cong 40 độ, đường kính 4mm, dài 11cm $\pm 2\text{cm}$ - Thiết kế mặt cắt: hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Tốc độ hoạt động: 5000 vòng/phút - Có cổng gắn với dây nước - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	15

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
32	3	Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang, đầu thẳng	- Đầu lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật xoang - Chất liệu: thép không gỉ - Đầu thẳng, đường kính 4mm, dài 11cm ±2cm, đầu tù - Thiết kế mặt cắt: hình răng cưa 2 bên, cắt mặt bụng, diện cắt 3 mặt - Có cổng gắn với dây nước và kèm 01 dây nước - Tốc độ hoạt động: khoảng 5000 vòng/ phút - Tương thích máy khoan cắt nạo model IPC - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói/1 cái	Cái	15
33	3	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình eclips, 15 x 20 cm	- Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình eclips - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 15-18cm, dọc 20-22 cm - Trọng lượng 35-50g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: > 20% - Kiểu dệt chéo - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE/ FDA	Hộp /1 miếng	Miếng	10
34	3	Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ, đường kính 22mm	- Rọ lấy sỏi 4 dây dùng để lấy sỏi ống mật chủ - Chiều dài làm việc 1900mm, tương thích với kênh dụng cụ 3.7mm trở lên, đường kính rọ 22mm - Thiết kế đầu rọ có núm hình hạt đậu giúp dễ dàng đưa rọ vào ống mật, - Có kênh bơm tưới rửa/thuốc cản quang, có kênh cho dây dẫn hướng loại 0.035" - Có phần kết nối với ống soi (C-hook), có đánh dấu (V-Marking) trên thân dụng cụ - Tương thích với tay cầm tán sỏi	Hộp/ 1 cái	Cái	5
35	3	Bóng kéo sỏi 3 kênh dùng kéo sỏi ống mật chủ	- Bóng kéo sỏi dùng để kéo sỏi ống mật chủ, - Có 3 kênh làm việc: dây dẫn, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cản quang. - Đường kính bóng tối đa 20mm, đường kính đầu cuối 5.5Fr, chiều dài làm việc 1900mm, phù hợp kênh làm việc đường kính 3.2mm, có 2 dải cản quang ở đầu và cuối bóng, - Bộ phận đi kèm 3 bơm tiêm 15mm/18mm/20mm - Có đánh dấu ở cuối dụng cụ (V-marking), có phần kết nối với ống soi (C-hook), - Tương thích ống soi tá tràng TJF. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/1 cái	Cái	130
36	3	Kim chích cầm máu dạ dày chích keo	- Kim chích cầm máu dạ dày chích keo, có đầu kim loại an toàn - Kích thước: * Đường kính kênh 1.8/ 1.9/ 2.3/ 2.6 mm * Chiều dài kim 4->15mm, đường kính kim 0.5->1.2mm - Chiều dài làm việc 160/180 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Túi/ 1 cái	Cái	102

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
37	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng cellulose 10 x 20cm.	Vật liệu cầm máu tự tan - Chất liệu bằng cellulose dạng lưới mềm, có tính kháng khuẩn, tự tiêu sau 7-14 ngày. - Kích thước 10 x 20cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 miếng	Miếng	2.156
38	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Cellulose dạng bông xốp ép, 5.1 x 10.2cm.	Vật liệu cầm máu tự tan - Chất liệu bằng cellulose dạng bông xốp ép, có tính kháng khuẩn, tan sau 7-14 ngày. - Kích thước 5.1 x 10.2 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 10 miếng	Miếng	600
39	3	Vật liệu cầm máu tự tan bằng Gelatin 7 x 5 x 1cm	Vật liệu cầm máu tự tan - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp màu trắng, tự tan sau 4-6 tuần. - Kích thước 7 x 5 x 1cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Hộp/20 miếng	Miếng	9.200
40	3	Vật liệu cầm máu tự tan, bằng Cellulose dạng bông xốp nhiều lớp, 5.1 x 10.2cm.	Vật liệu cầm máu tự tan - Chất liệu bằng cellulose dạng bông xốp nhiều lớp, có thể tách ra từng lớp, có tính kháng khuẩn, tự tiêu sau 7-14 ngày. - Kích thước 5.1 x 10.2 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 10 miếng	Miếng	750
41	3	Vật liệu cầm máu xương, dạng sáp ong trắng, 2.5g	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần: Sáp ong trắng 85% và Isopropyl Palmitate 15% - Trọng lượng: 2.5 g - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 miếng	Miếng	2.160

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
42	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 18G, 100mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Catheter bằng Polyamid và Polyurethane không bị gãy gập, dài 1000mm, có 3 đường cân quang ngấm, 6 lỗ thoát thuốc. Có dây dẫn điện - Kim đầu cong 18G dài 100mm, khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa cân âm, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stimuplex HNS12.	Hộp/10 bộ	Bộ	100
43	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 18G, 50mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Catheter bằng Polyamid và Polyurethane không bị gãy gập, dài 400mm, có 3 đường cân quang ngấm, 6 lỗ thoát thuốc. Có dây dẫn điện - Kim đầu cong 18G dài 50mm, khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa cân âm, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stimuplex HNS12.	Hộp/10 bộ	Bộ	100
44	3	Kim gây tê đám rối thần kinh 22G, 50mm	Kim gây tê đám rối thần kinh - Kim 22G dài 50mm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích máy kích thích thần kinh Stimuplex HNS12.	Hộp/25 cái	Cái	50
45	3	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm cỡ 20G, dài 50/90cm	Kim gây tê đám rối thần kinh dưới siêu âm - Kim nhẵn, trơn, khả năng hiển thị cao dưới máy siêu âm, xác định chính xác vị trí và góc chính xác khi đâm kim. - Catheter 20G dài 50/90cm, kim tê 18G dài 50/100mm - Đi kèm: Co nối catheter, lọc khí 0.2 micro mét, dây dẫn đường, miếng cố định catheter. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Tương thích với máy kích thích thần kinh stmuplex HNS12.	Gói/1 cái	Cái	200
46	6	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ	Ống dẫn lưu vết mổ, các cỡ - Chất liệu silicon, có xẻ rãnh, tròn và dẹt - Tương thích túi dẫn lưu cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	1.500

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
47	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi 5/0 dài 75cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 13mm, 1/2C,	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 75cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 13mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	500
48	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, số 0 dài 100cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 31mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi đóng thành bụng, khâu cơ, - Chỉ bằng Polypropylene, 0 dài 100cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 31mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	100
49	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 3/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu,, - Chỉ bằng Polypropylene, 3/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 12 tép	Tép	180
50	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 2/0 dài 90cm. 2 Kim tròn đầu cắt, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu cơ - Chỉ bằng Polypropylene, 2/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim Ethaloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 12 tép	Tép	1.800
51	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 5/0 dài 90cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene, 5/0 dài 90cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng. - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 tép	Tép	468
52	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 6/0 dài 60cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polypropylene, 6/0 dài 60cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethaloy dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	450

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
53	3	Chỉ khâu không tiêu bằng Polypropylene, đơn sợi, 7/0 dài 60cm. 2 Kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polypropylene, 7/0 dài 60cm, giữ lực vết thương vĩnh viễn, bề mặt trơn láng - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 12 tép	Tép	112
54	3	Chỉ khâu không tiêu Polyamid 6, đơn sợi, 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn dài 5.1mm, 3/8C,	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi khâu mạch máu, - Chỉ bằng Polyamid 6, 9/0 dài 13cm, bề mặt trơn láng - 1 Kim tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 5.1mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ silicon. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 12 tép	Tép	100
55	6	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 25mm, 1/2C	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên đa sợi khâu mô mềm - Chỉ bằng kén tằm Bombyx Mori 2/0 dài 75cm, phủ sáp, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 25mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	1.800
56	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi 3/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polydioxanon 3/0 dài 70cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tép	Tép	1.440
57	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 2/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polydioxanon 2/0 dài 70cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	360
58	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 30cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polydioxanon 4/0 dài 30cm, chịu lực 50%/28 - 42 ngày, tan hoàn toàn 120 - 180 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, 1 đầu tự khoá. - 1 Kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	60

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
59	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 4/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 20mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, mật tụy, - Chỉ bằng polydioxanon 4/0 dài 70cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 20mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	5.580
60	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 6/0 dài 70cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, mật tụy, - Chỉ bằng polydioxanon 6/0 dài 70cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, có rãnh kim, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 36 tép	Tép	180
61	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 5/0 dài 90cm, 2 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, mật tụy, - Chỉ bằng polydioxanon 5/0 dài 90cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	840
62	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, 7/0 dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu đường tiêu hoá, mật tụy, - Chỉ bằng polydioxanon 7/0 dài 70cm, chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 182 - 238 ngày, - 2 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 9.3mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/24 tép	Tép	240
63	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polydioxanon, đơn sợi, có neo trên thân chỉ, số 1 dài 45cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, - Chỉ bằng polydioxanon 1 dài 45cm, chịu lực 50%/28 - 42 ngày, tan hoàn toàn 120 - 180 ngày, chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1 cm. - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 40mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	360
64	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglactin 910, đa sợi, 5/0 dài 75cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đa sợi khâu mô dưới da, đường tiêu hoá, tiết niệu, - Chỉ bằng polyglactin 910 5/0 dài 75cm chịu lực 50%/21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 17mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	2.160

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
65	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglactin-Polyglecaprone, đơn sợi 3/0 dài 20cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C,	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu cơ, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng Polyglactin-Polyglecaprone 3/0 dài 20cm, chịu lực 50%/ 7 - 14 ngày, tan hoàn toàn 90 - 120 ngày, dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, 1 đầu tự khoá. - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	240
66	4	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglecaprone, đơn sợi, 4/0 dài 75cm, 1 Kim tam giác ngược, dài 19mm, 3/8C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đơn sợi khâu da, mô dưới da, - Chỉ bằng polyglecaprone 4/0 dài 75cm, chịu lực 50%/ 7 ngày, tan hoàn toàn 90 - 120 ngày, - 1 Kim tam giác ngược bằng hợp kim Ethalloy dài 19mm, 3/8C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp / 12 tép	Tép	832
67	3	Chỉ thép số 4 dài 45cm, 1 kim tròn đầu cắt dài 48mm, 1/2C	Chỉ thép khâu xương ức, số 4, dài 45cm, - 1 Kim tròn đầu cắt 1/2C, dài 48mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Tép /4 sợi	Tép	120
68	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, số 1, dài 90cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 40mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi đóng thành bụng, khâu cơ, gân, dây chằng, - Chỉ bằng polyglactin 910, số 1, dài 90cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, chất kháng khuẩn Triclosan, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy 40mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/ 36 tép	Tép	10.010
69	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 2/0 dài 70cm, 1 Kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi khâu cơ, đường tiêu hoá - Chỉ bằng polyglactin 910 2/0 dài 70cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, chất kháng khuẩn Triclosan - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	4.788
70	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 3/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi khâu mô dưới da, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polyglactin 910 3/0 dài 70cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, chất kháng khuẩn Triclosan, - 1 Kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy dài 26mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	13.500

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
71	4	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng polyglactin 910, đa sợi, 6/0 dài 45cm, 1 Kim tròn đầu tròn, dài 13mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu trung bình tổng hợp, đa sợi khâu cơ, - Chỉ bằng polyglactin 910 6/0 dài 45cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, dài 13mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/12 tép	Tép	24
72	3	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Polyglycolide, đa sợi 1 dài 70cm, 1 Kim tròn, dài 30mm, 1/2C,	Chỉ khâu tiêu trung bình, tổng hợp, đa sợi đóng thành bụng, khâu cơ, gân, dây chằng, - Chỉ bằng Polyglycolide 1 dài 70cm, giữ lực khâu tốt trong 30 ngày, tan hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglycolide-co-l-lactid 35/65 + Cast - 1 Kim tròn bằng thép, dài 30mm, 1/2C, phủ silicon. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Hộp/36 tép	Tép	3.500
73	3	Clip mạch máu cỡ 4x5.33mm	Clip mạch máu - Chất liệu titanium - Cỡ 4 x 5.33mm. - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA - Hỗ trợ lắp đặt cán clip - Tương đương loại ligaclip	Hộp/ 216 cái	Cái	6.160
74	3	Mặt nạ thanh quản bằng silicon, sử dụng ≥ 30 lần, các cỡ	Mặt nạ thanh quản dùng đường miệng, bóng chèn đôi, sử dụng ≥ 30 lần - Bằng silicone 100% , không latex - Cỡ 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 4.0, 5.0 - Thiết kế có lò xo bên trong gia cố độ dẻo linh động của ống, 1 nòng phụ để hút dịch dạ dày, có nắp màu đỏ bảo vệ bóng khi khử trùng - Thông khí áp lực dương 30cm H2O - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE/ISO	Gói/1 cái	Cái	92
75	4	Bộ chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	Bộ chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau kèm kẹp, bộ kết nối và nút khóa - Túi thuốc bên trong được tiệt trùng và làm bằng nhựa PVC dẻo với DEHP - Cấu tạo 2 lớp: + Lớp ngoài: 860 x 780 x 270mm + Thể tích bên trong 100ml - Dây truyền dịch ở phía trên bộ chứa, dài 20cm bao gồm cả kết nối cái - Khóa ở phía trên bộ chứa chống dò khí và chất lỏng - Loại dùng 1 lần - Tương thích máy CADD PCA pump - Tiêu chuẩn CE/ISO/FDA	Gói/1 bộ	Bộ	300
76	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglactin 910, đa sợi, 4/0 dài 70cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 22mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp, đa sợi khâu mô dưới da, đường tiêu hoá, - Chỉ bằng polyglactin 910 4/0 dài 70cm, chịu lực 50%/ 21 ngày, tiêu hoàn toàn 56 - 70 ngày, phủ polyglactin + Calcium Strearate, chất kháng khuẩn Triclosan - 1 Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài 22mm, 1/2C, vùng kẹp kim phẳng, kim được cắt bằng laser, phủ Silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/36 tép	Tép	3.384

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
77	3	Mạch máu nhân tạo kết hợp stent graft tái tạo mạch máu nhân tạo stent động mạch chủ, các cỡ	Mạch máu nhân tạo kết hợp stent graft tái tạo mạch máu nhân tạo stent động mạch chủ - Đặc điểm mạch máu nhân tạo một mảnh liền mạch chuyển tiếp từ stent động mạch sang stent mạch máu - Graft mạch máu với vật liệu woven polyester, không collagen, độ thấm nước cực thấp, phần stent động mạch: hình dạng Z-shaped, kết hợp Nitinol và ống Woven polyester (PET), - Tương thích MRI, có đánh dấu hiệu hiện dưới huỳnh quang - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 bộ	bộ	2
78	3	Bộ stent graft động mạch chủ ngực	Bộ stent graft động mạch chủ ngực dùng trong các trường hợp phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực. - bằng hợp kim nitinol và phần màng làm bằng lớp Polyester , có độ bền cao. - Đường kính stent:22-46mm, bước nhảy 2mm. Độ dài stent: 100mm, 150mm, 200mm, có độ dài 250mm. -Tiêu chuẩn: ISO/ CE/FDA - Bộ phận đi kèm 1 dây dẫn, 1 pigtail catheter, 1 bóng nong, 1 sheath 12F	Hộp/1 bộ	bộ	6
79	3	Miếng stent graft bổ sung động mạch chủ ngực	Miếng stent graft bổ sung động mạch chủ ngực dùng nối dài cho bộ stent graft động mạch chủ ngực chính - bằng hợp kim nitinol, và phần màng làm bằng lớp Polyester , có độ bền cao. -Đường kính stent:22-46mm, bước nhảy 2mm. Độ dài stent: 100mm, 150mm, 200mm, có độ dài 250mm. -Tiêu chuẩn: ISO/ CE/FDA -Bộ phận đi kèm: 1 dây dẫn, 1 pigtail catheter, 1 bóng nong, 1 sheath 12F.	Hộp/ 1 bộ	bộ	4
80	3	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học, bằng màng ngoài tim bò, phủ polyester, các cỡ	Van tim động mạch chủ nhân tạo sinh học - Chất liệu: lá van bằng màng ngoài tim bò, giá đỡ bằng titan chấn xạ phủ Polyester và màng tim heo, vòng van bằng polyester. - Kích cỡ: đường kính van: 19-29mm, đường kính ngoài vòng khâu: 24-35mm, độ lồi động mạch chủ: 12-16 mm, tổng chiều cao: 15-20mm - Đặc điểm: An toàn với MRI, đáp ứng điều kiện từ trường tĩnh 1.5 tesla hoặc 3.0 tesla - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ bộ dụng cụ đo van, tay cầm - Hoặc tương đương loại Trifecta GT	Hộp/1 cái	Cái	20

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
81	3	Mạch máu nhân tạo 3-4 nhánh kết hợp stent graft tái tạo cung động mạch chủ, các cỡ	Mạch máu nhân tạo 3-4 nhánh và stent graft dùng trong phẫu thuật phình hoặc bóc tách động mạch chủ ngực - Chất liệu: mạch máu làm từ polyester tẩm gelatin, giá đỡ bằng nitinol. - Chiều dài stent graft 100mm/ 150mm. Chiều dài mạch máu kéo căng 240mm. - Đường kính trong mạch máu 26-32mm, đường kính ngoài stent graft 28-40mm. - Chiều dài nhánh phụ 150mm, đường kính 08mm, 10mm, 12mm - Bộ phận đi kèm: 01 bóng nong động mạch chủ, 01 sheet 16Fr, 01 dây dẫn - Stent nhiều vòng độc lập, có đánh dấu cản quang - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/1 cái	Cái	2
82	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, dạng phi cầu - Chất liệu Acrylic không ngấm nước, sắc sai thấp, thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero; bờ sau vuông 360 độ liên tục, được xử lý mờ chống chói. - Thiết kế 3 điểm cố định túi bao. - Chỉ số khúc xạ < 1.5. - Càng chữ C; đường kính thấu kính 6mm, chiều dài tổng 13mm - Dây Diop +5.0D đến +34.0D; được đặt qua vết mổ 2.2mm - Dùng kèm Injector kiểu xoay. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Hộp/ 1 cái	Cái	150
83	3	Van tim động mạch chủ cơ học, có khung bảo vệ, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu: Lá van và lỗ van bằng carbon nhiệt phân phủ lên chất nền graphite, vòng van từ sợi polyester đan nhưng kép, cấu trúc toàn vẹn và độ bền cao. - Đường kính vòng van: 17-29 mm, đường kính trong: 15.9 - 26.8 mm, diện tích lỗ van: 1.87-5.44 cm², diện tích lỗ van hiệu quả: >1.42 cm², - Đặc điểm: Độ chênh áp qua van khoảng 16 mmHg ngay cả đối với van kích thước nhỏ 19mm. Đạt hơn 84% tỉ lệ lỗ van - vòng van. Độ mở lá van 80-85° gia tăng dòng chảy theo lớp qua van và giảm chuyển động xoáy. Đáp ứng được cộng hưởng từ. - Đóng gói: kèm theo một tay cầm/xoay van, và được đóng gói trong một khung nhựa để chống đỡ và bảo vệ trong quá trình vận chuyển và bảo quản, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương Regent Mechanical Heart Valve	Hộp/1 cái	Cái	5

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
84	3	Van tim động mạch chủ cơ học, vòng khâu mỏng PTFE, các cỡ	Van tim động mạch chủ cơ học - Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết, bề mặt mượt giúp giảm huyết khối. Góc mở lá van tới 90 độ, Đầu ra dạng ống loe. Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE), 3 dạng vòng khâu: vòng khâu chuẩn, vòng khâu thích nghi hoặc vòng khâu giải phẫu - Van động mạch chủ vòng khâu số 19, 21, 23, 25, 27, 29 - Độ chênh áp thấp (Gradient Pressure) ≤ 10 mmHg, an toàn cho người bệnh với ngưỡng INR thấp từ 1.5 - 2.0 - Hỗ trợ dụng cụ đo van và tay cầm van - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại On-X Aortic Prosthetic Heart valve with comform-X sewing ring	Hộp/1 cái	Cái	5
85	3	Van tim động mạch chủ ngoại tâm mạc sinh học, vòng khâu van bằng silicone, các cỡ	Van tim động mạch chủ ngoại tâm mạc sinh học - Chất liệu: 3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium và được phủ bởi lớp Polyester dệt. - Vòng khâu van bằng silicone, có đánh dấu chỉ màu. - Cỡ 19 - 29 mm. - Đặc điểm: Van được xử lý dưới quy trình sử dụng nhiệt loại bỏ 2 yếu tố chính gây canxi hóa là gốc andehyde tự do và phospholipid nhằm xử lý cả 2 vị trí liên kết chính với canxi. - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Kèm bộ đo van và tay cầm van - Hoặc tương đương Perimount Magna Ease Aortic	Hộp/1 cái	Cái	5
86	3	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, có khung bảo vệ chốt van bằng titanium, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu Lá van và lỗ van bằng carbon nhiệt phân phủ lên chất nền graphite, có khung bảo vệ chốt van bằng titanium, Vòng van từ sợi polyester đan nhưng kép. - Kích cỡ van 23-> 33mm. đường kính trong lỗ van (18.6 - 26.1mm), diện tích lỗ van (2.55 - 5.18cm²) - Đặc điểm: Độ mở lá van 85° gia tăng dòng chảy theo lớp qua van và giảm chuyển động xoáy. Cơ chế xoay van có kiểm soát giúp dễ dàng điều chỉnh vị trí lá van trong quá trình thủ thuật, có khung bảo vệ chốt van. Đáp ứng được cộng hưởng từ có điều kiện. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ tay cầm và dụng cụ đo van - Hoặc tương đương loại Masters Series	Hộp/1 cái	Cái	10

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
87	3	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, 100% carbon, vòng khâu mỏng, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu: 100% carbon nhiệt phân tinh khiết, Vòng khâu làm bằng Polytetrafluoroethylene, - Vòng khâu chuẩn cỡ 23, 25, 27/29, và 31/33 hoặc vòng khâu thích nghi số 25/33 - Cấu tạo: bề mặt van mượt giúp giảm huyết khối. Góc mở lá van tới 90 độ giúp tăng cường dòng chảy, đầu ra dạng loe. Tối ưu hóa diện tích hiệu dụng lỗ van (EOA) đến 2.1 cm². Độ chênh áp thấp ≤ 4.4 mmHg - Hỗ trợ dụng cụ đo van và tay cầm. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương On-X Mitral Prosthetic Heart valve	Hộp/1 cái	Cái	10
88	3	Van tim hai lá nhân tạo sinh học, lá van bằng màng ngoài tim heo, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo sinh học - Chất liệu: lá van màng ngoài tim heo, kết cấu mô quanh lõi: màng ngoài tim bò, giá giữ van được phủ polyester chứa chất đồng trùng hợp acetal giúp tạo độ cong cho giá đỡ giúp tối ưu hóa tầm nhìn và tiếp cận vòng van, vòng trên van được cấu tạo có lõi được trộn polyester và phủ bên ngoài bằng vải đan sợi polyester - Kích cỡ: 25-33mm, đường kính vành mô: 25-33mm, đường kính trong: 23-31mm, điểm nhô ra ở tâm thất: 9-11mm, tổng chiều cao: 16-20mm - Cấu tạo: Giá đỡ có tuổi thọ là 20 năm, chống vôi hóa (tiệt trùng và xử lý chống canxi hóa bằng glutaraldehyde, formaldehyde và ethanol, Thời gian rửa nước: 2x10 giây. - Đóng gói: Van được gắn vào một khung bảo vệ và đóng gói trong một bình kín có chứa một dung dịch formaldehyde, vô trùng và không có tác nhân gây sốt - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hỗ trợ bộ dụng cụ đo van, - Hoặc tương đương Epic Valve Mitral	Hộp/1 cái	Cái	5
89	3	Mạch máu nhân tạo, 3-4 nhánh, tấm Gelatin ,	Chức năng: Dùng trong phẫu thuật thay cung động mạch chủ và động mạch chính liên quan Chất liệu, thành phần: Sợi Polyester ngâm tẩm gelatin Kích thước: - Đường kính nhánh chính từ 20-34mm dài 40cm, - Nhánh phụ: ba nhánh có đường kính 8mm dài 15cm và 1 nhánh có đường kính 10mm dài 15cm Đặc điểm: Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Tiệt trùng bằng khí EO Đóng gói: Tiệt trùng, hộp/ 1 cái	Hộp/ 1 cái	Cái	2

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
90	3	Ống ghép mạch máu phình gốc động mạch chủ có ngâm tẩm gelatin (các cỡ).	Chức năng: Dùng trong cho phẫu thuật thay van động mạch chủ và động mạch chủ lên (Bentall) và phẫu thuật bảo tồn van động mạch chủ trong bệnh lý phình gốc động mạch chủ. Chất liệu: Mạch máu làm từ sợi Polyester ngâm tẩm gelatin Kích thước: - Đường kính thân: 16 - 34 mm. Chiều dài thân 15 cm, chiều dài cổ: 10 mm - Đường kính váy: 21 - 44 mm, chiều dài váy: 16 - 34 mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Tiệt trùng bằng khí EO Đóng gói: Tiệt trùng, hộp/ 1 cái	Hộp/ 1 cái	Cái	2
91	3	Van tim hai lá nhân tạo cơ học, thiết kế trục xoay gờ nổi, các cỡ	Van tim hai lá nhân tạo cơ học - Chất liệu/ thành phần: Van tim cấu tạo bằng carbon rắn nhiệt phân cứng, vòng van chứa một lớp lót polytetrafluoroetylen (PTFE) bên trong vải polyester nhúng đôi. - Các cỡ 23 -> 33, đường kính lỗ van 18.8 - 26.8mm, diện tích mở van 2.56 - 5.35 cm² - Thiết kế trục xoay gờ nổi, giảm tụ huyết khối, giảm tiếng ồn. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Kèm tay cầm van và dụng cụ hỗ trợ - Hoặc tương đương loại Van hai lá cơ học gờ nổi Medtronic Open Pivot	Hộp/1 cái	Cái	10
92	5	Bộ khăn phẫu thuật mạch vành	Bộ khăn dùng trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành Bộ khăn bao gồm: 2 x Khăn trải bàn dụng cụ L: 140 x 200cm cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt SMMMS 43gsm 1 x Khăn phủ vùng sinh dục 19x 35cm cấu tạo từ vải không dệt không thấm nước SMMMS 50gsm, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Có băng keo y tế, 6 x Khăn có keo : 80x120cm Khăn được cấu tạo từ vải không dệt SMMMS 50gsm không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Có băng keo y tế, không gây kích ứng da, 1 x Khăn phủ đầu: 170cm x 230/280cm - Chất liệu vải không dệt SMMMS 50gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có băng keo y tế, không gây kích ứng da. Phần đầu của khăn là màng plastic trong, 1 x Khăn phủ chân: 160x230cm: - Chất liệu vải không dệt SMMMS 50gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có băng keo y tế, không gây kích ứng da 2 x Khăn phủ bên: 100x 150cm: - Chất liệu vải không dệt SMMMS 50gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có băng keo y tế, không gây kích ứng da, 2 x Khăn không keo thấm: 30x35cm : chất liệu vải	3 Bộ/Hộp	Bộ	60

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
93	3	Mạch máu nhân tạo có gắn van, nổi thất phải và động mạch phổi, dạng xếp nếp, đường kính 5-> 29mm, dài 12cm	Mạch máu nhân tạo có gắn van, nổi thất phải và động mạch phổi - Ống được làm từ màng ngoài tim bò, và có dạng xếp nếp nhằm đạt được độ bền ổn định, đã qua xử lý bằng glutaraldehyde, không có các tác nhân gây sốt. Các lá van được làm từ van tim của heo. - Kích thước: đường kính 5,7,9,11,13,15,17,19,21,23,25,29 mm, dài 12cm - Đặc điểm: ống không bị vôi hóa sau một quá trình sử dụng lâu dài. Hai đầu ống nối tim có độ cứng vừa đủ, bị bẹp khi được nối vào động mạch phổi. Thân ống có các rãnh lồi giúp ống nối tim đàn hồi tốt, không bị dẹt, ống có tuổi thọ cao - Tiệt khuẩn- Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại T07EAIS	Hộp/ 1 cái	Cái	10
94	3	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng	Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng trong phẫu thuật tim - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước: 15 Fr (5,0 mm), chiều dài 12,5 in (31,8 cm) - Ca-nuyn truyền dung dịch liệt tim ngược dòng có bóng ở đầu, đầu tip mềm giúp giảm sang chấn khi đặt vào trong cấu trúc mạch máu, lòng ống có lò xo giúp hạn chế cong, gập. Đầu có đường đo áp lực, đường bơm bóng và đường dẫn dung dịch liệt tim có đầu female, trên đường dẫn dung dịch liệt tim có khóa. - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương: DLP Silicone RCSP Cannulae Retrograde with Manual-Inflate Cuff	Hộp/ 10 cái	Cái	10
95	3	Cannula truyền dung dịch liệt tim, đầu silicone, cỡ 12Fr, dài 19.1cm	Cannula truyền dung dịch liệt tim trực tiếp xuôi dòng vào lỗ vành - Cannula bằng thép không gỉ, dễ uốn cong, đầu silicon mềm có gờ chặn bức xạ - Kích thước: Loại đầu cong 45 độ cỡ 12Fr (4.0mm) và đầu cong 90 độ cỡ 12Fr (4.0mm), chiều dài cannula 7.5 in (19.1cm). Đầu nối female Leur - lock - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại DLP High Flow Coronary Artery Ostial Cannulae	Hộp/20 cái	Cái	20
96	3	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể	Cannula tĩnh mạch chủ dưới dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước: Chiều dài tổng cộng 30.5 - 38.1 cm, Các cỡ 28-30-32Fr , co nối 3/8 (9.525mm) - Ca-nuyn tĩnh mạch chủ dưới một tầng, đầu thẳng, chống rạn, chống xoắn do có vòng lò xo gia cố, có dấu đánh giá độ sâu. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc loại tương đương Medtronic DLP Single Stage Venous cannula	Hộp/ 10 cái	Cái	10

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
97	3	Dụng cụ cố định mạch vành	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành tim đập - Chất liệu: PVC, Silicon, thép không gỉ - Kích thước: Giác hút 30mm, khoảng cách 2 dây giác hút 30mm - Có đặc tính tự bung 3.5mm, giác hút có thể uốn cong linh hoạt, để xoay được 360 độ, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA - Hoặc tương đương loại Octopus Evolut Tissue Stabilizer	Hộp/ 1 cái	Cái	1
98	3	Chỉ khâu tiêu chậm bằng Polyglactin 910, 4/0, dài 45cm, 1 kim tròn dài 17mm, 1/2C	Chỉ khâu tiêu chậm, tổng hợp, đa sợi, khâu da, mô dưới da, phẫu thuật nội soi, chấn thương chỉnh hình, cân, dây chằng, đường tiêu hóa, - Chỉ bằng Polyglactin 910 (Poly(glycolide-co-l-lactid 90 / 10), 4/0, dài 45cm, thời gian chịu lực 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 60 - 90 ngày, độ bền kéo chỉ 7,5N, áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 35/65) + CaSt - 1 kim tròn, Thép 300(304)dài 17mm, 1/2C, phủ silicone - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Hộp/36 tép	Tép	360
99	6	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, kim 31G	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ. Đốc kim bằng nhựa tay cầm cao cấp loại A. Chất liệu chỉ PDO, có nút xoắn giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, Cỡ kim: 31G. Chiều dài kim: 30mm. Chiều dài chỉ: 30mm. Độ dày chỉ 7-0, Chỉ trơn không gai. Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf - Hàm lượng nước : ≤ 500 ppm - Đơn phân còn sót : $\leq 1\%$ - Kim loại nặng : ≤ 10 ppm . - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ STS 304 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Gói/25 cái	cái	600
100	6	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, kim 29GG, dài 40mm	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ. Đốc kim bằng nhựa tay cầm cao cấp loại A. Chất liệu chỉ PDO, có nút xoắn giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, Cỡ kim: 29G. Chiều dài kim: 40mm. Chiều dài chỉ: 50mm. Độ dày chỉ 6-0, Chỉ trơn không gai. Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf - Hàm lượng nước : ≤ 500 ppm - Đơn phân còn sót : $\leq 1\%$ - Kim loại nặng : ≤ 10 ppm . - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ STS 304 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Gói/25 cái	cái	2.500

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
101	6	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, kim 29GG, dài 50mm	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ. Đốc kim bằng nhựa tay cầm cao cấp loại A. Chất liệu chỉ PDO, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, Cỡ kim: 29G. Chiều dài kim: 50mm. Chiều dài chỉ: 70mm. Độ dày chỉ 6-0, Chỉ trơn không gai. Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf - Hàm lượng nước : ≤ 500ppm - Đơn phân còn sót : $\leq 1\%$ - Kim loại nặng : ≤ 10ppm . - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ STS 304 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Gói/25 cái	cái	2.500
102	6	Chỉ khâu nâng cơ, cỡ 20G	Chỉ khâu nâng cơ, - Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp. - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm cao cấp loại A. - Chất liệu chỉ PDO, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, - Cỡ kim: 20G, chiều dài kim: 90mm. Chiều dài chỉ: 148mm. Độ dày chỉ 0-0, Chỉ gai 3D chất liệu PDO. Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf - Hàm lượng nước : ≤ 500ppm - Đơn phân còn sót : $\leq 1\%$ - Kim loại nặng : ≤ 10ppm . - Kim đầu tù kiểu chữ L, bằng thép không gỉ STS 304; - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Gói /12 cái	cái	288
103	6	Chỉ khâu nâng cơ, cỡ 18G, độ dày chỉ 0-0	Chỉ khâu nâng cơ, - Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp. - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm cao cấp loại A. - Chất liệu chỉ PDO, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, - Cỡ kim: 18G, chiều dài kim: 100mm. Chiều dài chỉ: 185mm. Độ dày chỉ 0-0, Chỉ gai 3D chất liệu PDO. Độ bền khi kéo: Initial ≥ 0.35 kgf - Hàm lượng nước : ≤ 500ppm - Đơn phân còn sót : $\leq 1\%$ - Kim loại nặng : ≤ 10ppm . - Kim đầu tù kiểu chữ L, bằng thép không gỉ STS 304; - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE/FDA	Gói/8 cái	cái	192
104	6	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, kim 29G	Chỉ khâu dùng điều trị và trẻ hóa làn da, - Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp. Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm cao cấp loại B. - Chất liệu chỉ PDO, có nút xỏ giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, - Cỡ kim: 29G, chiều dài kim: 50mm. Chiều dài chỉ: 70mm. Độ dày chỉ 6-0, Hai sợi chỉ xoắn quanh cây kim, - Kim đầu nhọn, bằng thép không gỉ 304; - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/10 cái	cái	480

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
105	6	Chỉ khâu nâng cơ, cỡ 19G	Chỉ khâu nâng cơ thẩm mỹ, - Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp. - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm cao cấp loại B. - Chất liệu chỉ PDO, có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, - Cỡ kim: 19G, chiều dài kim: 100mm. Chiều dài chỉ: 200mm. Độ dày chỉ 0-0, Chỉ gai 2 bên - Kim đầu tù kiểu chữ L, W, bằng thép không gỉ 304, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/ 4 cái	cái	96
106	6	Chỉ khâu nâng cơ, cỡ 18G, độ dày chỉ 3-0	Chỉ khâu nâng cơ thẩm mỹ, - Thân kim được làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp. - Đốc kim sử dụng nhựa tay cầm cao cấp loại B. - Chất liệu chỉ PDO, có nút xóp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, - Cỡ kim: 18G, chiều dài kim: 100mm. Chiều dài chỉ: 200mm. Độ dày chỉ 3-0, Chỉ gai 2 bên - Kim đầu tù bằng thép không gỉ 304, - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	Gói/ 4 cái	cái	192
107	6	Bộ dụng cụ thả dù đóng thông liên nhĩ phủ platin, đầu cong (45,180) độ	Bộ dụng cụ thả dù đóng thông liên nhĩ phủ Platin - Chất liệu: Nhựa (Pebax) với lớp lót PTFE bên trong - Kích thước: + Chiều dài từ 60 - 78 cm + Đường kính ngoài từ 6F - 14F - Cấu tạo: Nhiều kiểu đầu cong can thiệp 45 độ và 180 độ hoặc tương đương loại Cocoon Septal Devivery - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/ FDA - Hoặc tương đương Cocoon Septal Devivery	Hộp/1 bộ	Bộ	5
108	3	Dây tạo nhịp tạm thời không bóng lưỡng cực, chống huyết khối	Dây tạo nhịp tạm thời không bóng lưỡng cực. Catheter bằng polyurethan, chống huyết khối: điện cực dài 5mm, pin 2mm, ngăn chặn hình thành xung động mạch, catheter có marker định vị mỗi 100mm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA hoặc tương đương loại Eledyn 2	Hộp/5 cái	Cái	30
109	3	Bóng nong van động mạch phổi	Bóng nong van động mạch phổi - Chất liệu: Thermoplastic Elastomer (không có nhựa mù và không có DEHP) , chịu nhiệt. - Kích thước: bóng từ 2-25mm, chiều dài từ 1-10cm/ 2 - 40cm. - Đặc điểm: có marker Platinum, áp lực bóng 1- 6 Atm/ 2-40 Atm. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO CE/FDA	Hộp/1 cái	Cái	30

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
110	3	Bóng nong mạch vành áp lực thấp	Bóng nong mạch vành áp lực thấp - Nguyên liệu Polyeter block amide (Pebax), bao lớp siêu ái nước. - Đường kính ngoài trực đoạn gần 2.1F, đoạn xa 2.5/2.7F, loại van bóng thường có 2 maker, loại van bóng trơn có 1 maker, đường kính: 1.0 -> 4.0mm, độ dài 10,12,15,20mm, đường kính: 1.3 -> 4.0mm có độ dài 10mm; 12mm, 15mm, 20mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA - Tiệt khuẩn - Hoặc tương đương loại LAXA	Hộp 1 cái	Cái	60
111	3	Vi ống thông can thiệp mạch máu não hỗ trợ cho stent chuyển dòng	Vi ống thông can thiệp mạch máu não hỗ trợ đặt stent chuyển dòng - Chất liệu: nhựa Polymer, gia cố thành bằng nitinol và kim loại, bên trong có phủ lớp chống ma sát. - Kích thước: Đường kính trong 0.017, 0.021, 0.027 inch, đường kính ngoài 1.7-3.2F - Chiều dài: 105- 135 - 150 - 160cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA - Hoặc tương đương Loại Phenom	Hộp/1 cái	Cái	5
112	3	Gạc hydrogel, kích cỡ 10 x 10cm	Gạc hydrogel, dùng che phủ vết thương giúp cân bằng ẩm tối ưu cho nền vết thương, giúp nhanh lành thương. Dùng cho các tổn thương tỷ đè, loét chân do bệnh lý mạch máu, bàn chân đái tháo đường, bỏng, ngăn ngừa nứt da. - Cấu tạo gồm 4 lớp cân bằng ẩm: lớp hydrogel khô và foam hút dịch vết thương, có lớp polymer chống dính, có màng bán thấm polyurethan - Kích thước: 10 x 10cm - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp/05 Miếng	Miếng	77
113	5	Ống cho ăn, bằng 100% silicone, cỡ từ 12-> 20Fr	Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu: 100% silicone - Kích cỡ: từ 12Fr (đường kính trong 2,4mm), 14Fr (đường kính trong 2,9mm), 16Fr (đường kính trong 3,3mm), 18Fr (đường kính trong 3,7mm), 20Fr (đường kính trong 4,1mm), chiều dài khoảng 95cm - Đặc tính: đầu ống hình nón dễ dàng đưa vào dạ dày, có 04 lỗ ở cuối ống, có đường cân quang, đầu tip cân quang, có vạch đánh dấu chiều dài trên ống, có phểu và nắp (đầu tip đóng) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Hộp/ 10 cái	Cái	500
114	3	Gạc lưới tẩm bạc, cỡ 10 x 12cm	Gạc lưới tẩm bạc là lớp băng phụ, dùng cho vết thương có dấu hiệu nhiễm trùng, kích thước < 12cm - Chất liệu: dệt lưới 100% Polyester, Lipido-Colloid, phủ bạc sulphat $0.5 \pm 0.12\text{mg/cm}^2$, phủ hai lớp màng bảo vệ, tạo gel khi tiếp xúc với vết thương - Kích thước: 10cm x 12cm - Phổ kháng khuẩn rộng: vi khuẩn Gram(-), vi khuẩn Gram (+), một số loại nấm, tụ cầu, tụ cầu kháng thuốc, liên cầu và trực khuẩn mủ xanh. Giảm mùi khó chịu của vết thương. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp 16 miếng	Miếng	380

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
115	3	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng	Nắp đóng bộ chuyển tiếp dùng trong lọc màng bụng sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp - Chất liệu bằng nhựa chứa povidon-iod - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Hộp 60 cái	Cái	1.900
116	3	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus , bằng Cobalt Chrome không polymer	Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Hàm lượng Sirolimus 1.2µg/mm ² - Chất liệu cobalt chrome không polymer - Bề dày thanh stent từ 55µm - 65µm. - Kích cỡ stent: đường kính: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0 mm; chiều dài: 9, 12, 16, 19, 24, 28, 32 và 38 mm - Đường kính đầu xa 2.5F, đầu gần 1.9F - Áp lực bơm bóng 10 atm, Áp lực gây vỡ bóng 18atm - Tiêu chuẩn EC/ISO/FDA - Tiệt khuẩn	Hộp/1 cái	Cái	50
117	3	Bóng nong mạch vành áp lực thấp, phủ thuốc Paclitaxel	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Comax II - Thuốc phủ Paclitaxel, hàm lượng Paclitaxel 3µg/mm ² ; - Kích cỡ bóng: đường kính từ 2.0; 2.25 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0 mm; dài từ 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40mm - Đường kính thân đầu xa: 2.5F, đầu gần: 1.9F; - Dây dẫn 0.014 inch - Bóng bán đàn hồi. Áp lực bơm bóng NP 6 atm- RBP 14 atm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn EC/ISO/FDA	Hộp/1 cái	Cái	20
118	3	Ống nghiệm chân không Citrate 3,2%, 13x75mm, 1,8ml	Ống nghiệm chân không chứa dung dịch chất chống đông: Sodium Citrate 3,2%, thể tích 1.8ml - Chất liệu ống: PET, chống sốc. Màu nắp theo tiêu chuẩn chung gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ, có rãnh nhỏ, không bị trơn, trượt tay khi thao tác. - Nhấn được làm bằng nhựa Plastic tránh biến đổi và hao hụt chất chống đông. - Tiệt khuẩn	Khay/ 50 ống	Ống	43.000
119	3	Ống nghiệm chân không K2 EDTA 13x75mm, 2ml	Ống nghiệm chân không chứa dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. Lượng chất chống đông: 3,6 mg, thể tích 2ml - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt. Nắp nhựa (màu theo tiêu chuẩn chung) gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cầm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ, có rãnh nhỏ, không bị trơn, trượt tay khi thao tác.	Khay/ 50 ống	Ống	50.000

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
120	3	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chống đông EDTA K2 6ml	Ống nghiệm chân không chứa dung dịch chất chống đông: K2 EDTA dạng phun sương trên thành ống. - Lượng chất chống đông: 7.2 mg, - Thể tích 6ml - Chất liệu ống: PET, chống sốc, trong suốt, tránh va chạm gây nứt trong quá trình vận chuyển, lấy máu, bảo quản, và xét nghiệm. - Nắp màu tím gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl để duy trì chân không và để cắm kim trong quá trình lấy máu; phần nắp bằng nhựa PE để bảo vệ, chống nứt vỡ, có rãnh nhỏ, không bị trơn, trượt tay khi thao tác. - Ống đã được tiệt trùng theo phương pháp tiệt trùng bằng tia Gamma - Đóng gói: 50 ống/khay x 2 khay/ hộp (100 ống/ hộp). Hộp kín được niêm phong tránh ánh sáng và tiếp xúc hóa chất - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CFS, CE	50 Ống/khay	Ống	500
121	3	Kim chích bằng quang cỡ 22G	Kim chích bằng quang - Kim dẫn đường an toàn, kim tiêm được bảo vệ nhờ cơ chế lồng vào nhau - Kim 22G bằng thép không gỉ, đầu kim mài 15 độ - Chiều dài làm việc 66cm - Đường kính ngoài 1.9mm - Đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.2mm - Đường kính kim 22G (0.7mm) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE/FDA	gói/ cái	cái	50
122	6	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Dụng cụ cắt bao quy đầu điều trị hẹp, dài bao quy đầu, - Ghim khâu được làm bằng thép không gỉ 316L, sinh học. - Chiều dài: 128mm -> 136mm; đường kính ngoài: 22.6 -> 46mm; đường kính trong 16mm -> 38mm - Dụng cụ này có vòng silicon cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/ cái	cái	100
123	6	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xẻ mô	- Lõi sợi thạch anh, - Kích thước: 550µm, chiều dài 3m - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Tương thích máy tán sỏi 65W qua da Raykeen	Gói/ sợi	Sợi	10
124	6	Ống kính nội soi mềm	Ống kính nội soi mềm điều trị tán sỏi thận nội soi ngược dòng - Ống kính nội soi thiết kế một vỏ bọc cáp nhựa, - Đường kính kênh làm việc ngoài: 3.1mm (9.3Fr) - Đường kính kênh làm việc trong: 1.2mm (3.6 Fr), - Góc uốn: -275° ~ +275°, - Chiều dài làm việc: 650 mm - Tổng chiều dài: 920 mm, - Độ phân giải: 160K, - Tiệt khuẩn, - Tiêu chuẩn ISO/CE, - Tương thích với dàn nội soi của bệnh viện - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	hộp/ cái	cái	36

STT	Phân nhóm TT 14	Tên vật tư mời thầu	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
125	6	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xẻ mô, kích thước 272μm	Sợi truyền quang điều trị cho sỏi niệu quản và cắt xẻ mô - Lõi sợi thạch anh, - Kích thước: 272μm, chiều dài 3m - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/CE - Tương thích máy tán sỏi 65W qua da Raykeen	Gói/ sợi	Sợi	4



Handwritten signature or mark.